

DOPPLER TIM

Tóm tắt:

- SITUS SOLITUS, tương hợp nhĩ thất và thất đại động mạch.
- Thông liên nhĩ lỗ thứ phát $d\# 4.6\text{mm}$, shunt 2 chiều rõ.
- Thông liên thất phần màng nhỏ đã tự đóng bởi mô xơ.
- Van ba lá: lá vách bám gần về phía mồm, khoảng cách lá vách van ba lá so với lá trước van hai lá 12mm .
- Dẫn lớn tim phải. Lá vách và lá sau van ba lá hạn chế vận động, bị kéo căng về phía vách liên thất, lá trước van 3 lá co rút nhẹ. Hở van ba lá nặng $3.5/4$ VC= 5.5mm , S (PHT 1.42cm^2). Buồng nhĩ hóa thất phải nhỏ. Áp lực tâm thu thất phải 30mmHg .
- Thất phải co bóp tốt. TASE 16mm , S' 10.7m/s , FAC 46% .
- Celermajer index = 0.56cm^2
- Chức năng tâm thu thất trái bảo tồn. EF 64% (EF=Simpson = 66%)
- Hở van hai lá nhẹ.

Kết luận:

- Ebstein type A. Thông liên nhĩ lỗ thứ phát shunt 2 chiều.
- Dẫn tim phải. Hở van 3 lá nặng. Buồng nhĩ hóa thất (P) nhỏ. Thất (P) co bóp còn tốt. FAC = 46%

Ngày 22 tháng 8 năm 2020

Bác sĩ siêu âm



QUÁCH TÂN ĐẠT



BỆNH VIỆN HOÀN MỸ[®] CỬU LONG

Lô 20 - KDC Phú An - Đường Quang Trung

P. Phú Thới - Q. Cái Răng - TP Cần Thơ

ĐT: (0710) 917355 - Fax: 917355

SIÊU ÂM MÀU TIM MẠCH TỔNG QUÁT DOPPLER MÀU



Họ tên: NGUYỄN QUỐC BẢO

Tuổi: 2014

Giới: Nam Chiều cao:

Cân nặng:

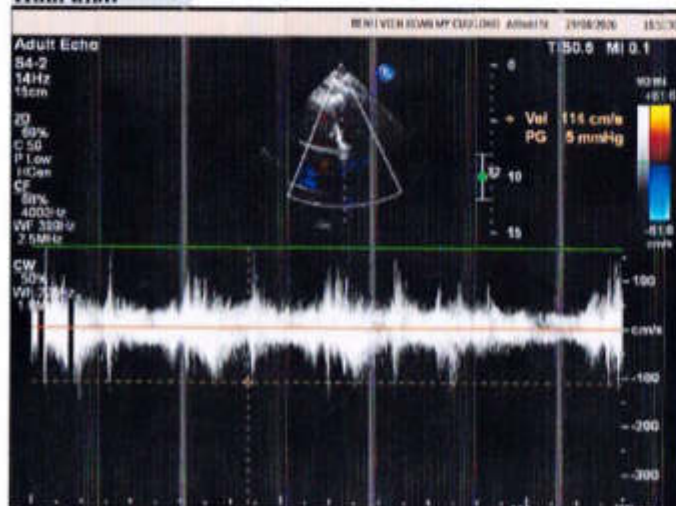
BSA:

m²

Địa chỉ:

Đường kính thất phải: mm Nhĩ trái LA: mm
 Vách liên thất tâm trương IVSd: mm Tâm thu IVSs: mm
 Đk thất trái tâm trương LVDd: mm Tâm thu LVDs: mm
 Thành sau thất(T) tâm trương LPwd: mm Tâm thu LPWs: mm
 Rút ngắn :FS: % EPSS(mm) D2(mm):
 Phân xuất tổng máu EF(Teichholtz): 64 % SIMSON: %
 ĐK gốc van ĐMC AO: mm AVO: mm
 Vòng van 2 lá: mm Vòng van 3 lá: mm
 CD lá trước V 2 lá: mm
 EF Slope: DE(mm): CE:
 Tư thế tim Situs: ☒ Các tĩnh mạch phổi đổ vào:
 Cung ĐMC Phải: ☐ Cung ĐMC Trái: ☐
 TMC Trên trái: ☐ Xoang vành:
 ĐM Phổi Gốc (mm): Bên Phải: ☐ RUPA:
 Nhĩ trái: Không giãn Nhĩ phải: Không giãn
 Thông liên nhĩ: ☐ Đường kính TLN:
 Thông liên thất: ☐ Đường kính TLT:

Hình ảnh:

**1. Dòng Van 2 lá:**

Vận tốc tối đa MV: Vmax(m/s) Trung bình MV: V mean:
 Độ chênh áp tối đa, Gpeak(mmHg): Trung bình:
 Hở van 2 lá: ☒ Mức độ: **1/4**
 Thời gian(tâm thu): V max:
 Hẹp van 2 lá: ☐ Diện tích lỗ van(cm2):

2. Dòng Van ĐMC:

Vận tốc tối đa AV: Vmax: Trung bình AV: Vmean:
 Độ C.Áp tối đa, AV Gpeak(mmHg): Trung bình AV:
 Hẹp van ĐMC ☐ DT lỗ van, AVA (cm2):
 Hở van ĐMC ☐ Mức độ: PHIT(mm/s): TDDE:
 ĐK gốc động mạch ngược(mm):
 Mức độ lan của dòng ngược:

3. Dòng Van 3 lá:

Hở van 3 lá: ☐ Mức độ, TR:
 Vận tốc tối đa dòng hở van, Vmax(m/s): Trung bình:
 Độ chênh áp tối đa, Gpeak (mmHg): Trung bình:
 Áp lực tâm thu động mạch phổi PAP s (mmHg):

4. Dòng Van Động Mạch Phổi:

Vận tốc tối đa, PV Vmax(m/s): Trung bình, PV:
 Độ chênh áp tối đa Gp: **4** Trung bình, PV:
 Tối thiểu, PV:
 Hở van động mạch phổi ☐ Hẹp van động mạch phổi ☐
 Áp lực ĐMP trung bình, PAP mean(mmHg):
 Áp lực ĐMP tâm trương:

QP/QS: Còn ống động mạch: ☐Dòng bất thường qua vách liên nhĩ: ☐Dòng bất thường qua vách liên thất: ☐